

Số: 02 /2019/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 31 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Công Thương - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC- BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3553/TTr-SXD ngày 28 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2019 và thay thế Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 tháng 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: XD, (Ut01), NC, TH, NN-TN
- Lưu: VT, M.A185/1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

QUY ĐỊNH

Về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau chịu sự điều chỉnh của quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Công trình hạ tầng kỹ thuật nổi*" bao gồm cột, trụ, tháp, các đường dây dẫn điện trên không, các loại đường dây truyền dẫn tín hiệu, các loại đường ống đi trên mặt đất và các thiết bị kỹ thuật treo trên cột, trụ, tháp.

2. "*Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm*" là những công trình được xây dựng dưới mặt đất bao gồm: Công trình giao thông ngầm, các công trình đường ống cấp nước, mương thoát nước, công trình đầu mối kỹ thuật ngầm và phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất, các đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm, hào và tuy nèn kỹ thuật.

3. "*Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung*" là việc tổ chức không gian xây dựng để xây dựng, lắp đặt, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

4. "*Chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung*" là các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý, khai thác vận hành và sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

Mọi hoạt động liên quan đến sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật phải thực hiện theo Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 72/2012/NĐ-CP) và các quy định liên quan khác, đảm bảo theo quy hoạch,

đồng bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất; tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng; bảo đảm cảnh quan và môi trường, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng và định hướng phát triển của tỉnh.

Chương II

QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 4. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là một nội dung của đồ án quy hoạch xây dựng; việc lập quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo các hướng dẫn tại Luật Xây dựng năm 2014, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, các Nghị định quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

2. Đối với các đô thị chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt, hoặc trường hợp chưa có trong nội dung quy hoạch xây dựng mà có nhu cầu đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thì được lập quy hoạch mới như một đồ án quy hoạch chuyên ngành và phải bổ sung, cập nhật khi điều chỉnh quy hoạch đô thị.

3. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được phê duyệt làm cơ sở cho các hoạt động đầu tư xây dựng ở các bước tiếp theo.

4. Đối với Đồ án quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được lập như một đồ án quy hoạch chuyên ngành, Chủ đầu tư do tổ chức, cá nhân sở hữu công trình đó chủ trì thực hiện. Trường hợp quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là một nội dung của đồ án quy hoạch xây dựng thì Chủ đầu tư là Chủ đầu tư đồ án quy hoạch xây.

Điều 5. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Phải lựa chọn các hình thức bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với từng loại đô thị và xu hướng phát triển lâu dài của đô thị.

2. Vị trí tương đối của các hạng mục công trình khi bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải đảm bảo kết nối tương thích và đồng bộ, không ảnh hưởng lẫn nhau và đến sự an toàn trong quá trình quản lý, khai thác sử dụng của chính các công trình đó và các công trình khác có liên quan.

3. Việc đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật với nhau và với các công trình khác trong đô thị phải đảm bảo thuận tiện, an toàn và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng có liên quan.

4. Phối hợp chặt chẽ các yêu cầu về quốc phòng, an ninh; đồng thời, bảo đảm an toàn và bảo vệ công tác bí mật các công trình quốc phòng, an ninh.

Điều 6. Nội dung quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được lập như một nội dung của đồ án quy hoạch xây dựng đô thị, nội dung của quy hoạch được lập

theo hướng dẫn tại Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị cùng với các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

2. Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, địa chất công trình, địa chất thủy văn; hiện trạng về xây dựng các công trình trên mặt đất và các công trình ngầm.

3. Phân tích, đánh giá về quy hoạch chung đô thị, khu vực lập quy hoạch và tình hình xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Trên cơ sở định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật của đô thị, của vùng tỉnh đã được xác định trong đồ án quy hoạch:

a) Dự báo nhu cầu phát triển và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

b) Phân vùng chức năng sử dụng không gian ngầm để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung;

c) Xác định các khu vực hạn chế, khu vực cấm xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật ngầm;

d) Xác định hệ thống tuyen, hào kỹ thuật, công, bể kỹ thuật (hướng tuyen, quy mô) trên các tuyen phố chính đến cấp khu vực;

đ) Xác định đường ống cấp nước, thoát nước cấp 1, cấp 2; tuyen đường dây điện từ 22 KV trở lên; tuyen công, bể ngầm cấp viên thông;

e) Xác định các khu vực xây dựng công trình công cộng ngầm, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật ngầm;

g) Dự kiến đầu nối kỹ thuật, đầu nối không gian.

h) Đánh giá môi trường chiến lược.

i) Dự kiến các hạng mục ưu tiên và các nguồn lực để thực hiện.

Điều 7. Yêu cầu đối với khảo sát công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Công tác khảo sát phải thể hiện hiện trạng địa hình, địa chất, thủy văn và các công trình ngầm, nổi hiện có tại khu vực khảo sát và phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về khảo sát được quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật cho mỗi loại công trình.

Điều 8. Quy định về thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và các quy phạm chuyên ngành đối với từng loại công trình.

2. Khi thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung trên các tuyen đường, phố, các khu dân cư, khu đô thị xây dựng mới phải thực hiện theo quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền về quản lý quy hoạch, kiến trúc.

3. Khi thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung phải phù hợp với đặc điểm của từng tuyen đường, khu phố và đảm bảo các yêu cầu cụ thể sau:

a) Đối với tuyến đường, phố có bề rộng vỉa hè (B_h) $\geq 5,0m$ thì phải thiết kế hào kỹ thuật để hạ ngầm các công trình hạ tầng kỹ thuật;

b) Đối với các tuyến đường, phố có lộ giới $L \geq 25,0m$, có bề rộng vỉa hè $B_h \geq 5,0 m$ nhưng vướng nhiều công trình ngầm, công trình nổi không thể bố trí hệ thống hào kỹ thuật hoặc có bề rộng vỉa hè $2,0m \leq B_h < 5,0m$ thì phải thiết kế công, bể kỹ thuật để hạ ngầm các đường dây, đường cáp thông tin viễn thông, cáp truyền hình và thiết kế ống riêng để hạ ngầm cáp điện lực, cáp chiếu sáng. Riêng đối với các đoạn lắp đặt ngầm qua đường tại các nút giao thông phải thiết kế hào kỹ thuật.

4. Khi thiết kế tuy nèn, hào; công, bể kỹ thuật thì chủ đầu tư và đơn vị thiết kế phải phối hợp, thỏa thuận với các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm cũng như các đơn vị sử dụng đường dây đi nổi để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành cũng như đáp ứng không gian ngầm cho phát triển của các công trình này trong tương lai, phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 9. Thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Công tác thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hiện hành và các quy định khác có liên quan.

Điều 10. Quy định về cấp phép xây dựng, cấp phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, giấy phép thi công trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định.

2. Việc cấp giấy phép xây dựng công trình thực hiện theo các quy định của Luật Xây dựng 2014 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Việc cấp giấy phép thi công các công trình nằm trên phần đất dành cho đường bộ thực hiện theo các quy định của Luật Giao thông đường bộ 2008 và Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 11. Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Trước khi thi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải thông báo việc khởi công công trình đến Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực có công trình trước 05 ngày làm việc để phối hợp kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công.

2. Nhà thầu xây lắp phải có biện pháp thi công bảo đảm an toàn cho hoạt động bình thường của các tuyến đường dây, đường cáp, đường ống, các công trình ngầm và các công trình khác cũng như bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

3. Nhà thầu xây lắp phải bảo đảm an toàn, chất lượng, tiến độ thi công công trình cũng như các quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình hiện hành.

4. Có kế hoạch và chuẩn bị sẵn sàng các phương án khắc phục các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thi công như: Gập tầng đất yếu, tầng chứa nước, khí độc, cháy nổ, sạt lở, trôi đất, bụi, vỡ... nhằm bảo đảm an toàn cho người, phương tiện thi công và cho công trình.

Điều 12. Nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trước khi đưa vào sử dụng

Trước khi đưa công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung vào khai thác sử dụng phải thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm tra nghiệm thu theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 13. Lưu trữ hồ sơ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi xây dựng hoàn thành phải được lưu trữ hồ sơ theo các quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 23 của Quy định này có trách nhiệm quản lý hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; cung cấp thông tin về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư các công trình có trách nhiệm bàn giao hồ sơ thiết kế và hoàn công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đã tổ chức nghiệm thu và quyết toán dự án hoàn thành cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng công trình theo quy định.

Điều 14. Bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng và nhà thầu xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm thực hiện việc bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng.

2. Công trình hào và tuy nèn kỹ thuật phải thực hiện chế độ bảo trì thường xuyên và định kỳ; công trình đường dây, đường cáp, đường ống và công trình cầu, đường đô thị phải thực hiện chế độ bảo trì định kỳ.

3. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đấu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm:

- a) Tổ chức thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;
- b) Thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo chỉ dẫn và quy định của nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung ứng vật tư, thiết bị công nghệ, thiết bị công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp, do không thực hiện quy trình bảo trì công trình theo quy định;
- d) Báo cáo định kỳ về công tác bảo trì và tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho cơ quan quản lý Nhà nước theo phân cấp.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; UBND các huyện, thành phố Cà Mau tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 16. Nguyên tắc cải tạo, di chuyển, sắp xếp, hạ ngầm đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi

1. Việc cải tạo, di chuyển, sắp xếp và hạ ngầm các đường ống, đường dây, cáp nổi trên đường phố phải tuân thủ quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch chuyên ngành; phù hợp kế hoạch hạ ngầm và hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự kết nối với hệ thống đường ống, đường dây, đường cáp chung của đô thị; đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và mỹ quan đô thị.

2. Khi thực hiện cải tạo, sắp xếp, hạ ngầm các đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi phải gắn thẻ nhựa hoặc biển nhựa ghi tên của đơn vị quản lý đường dây, đường cáp ở vị trí dễ nhận biết để thuận tiện cho việc quản lý, vận hành.

Điều 17. Tổ chức cải tạo, di chuyển, sắp xếp, hạ ngầm đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi

1. Đối với các tuyến đường, phố đã xây dựng hoặc các đô thị cũ, đô thị cải tạo thì Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương đầu tư, kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng các tuyến công, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nèn kỹ thuật để từng bước hạ ngầm đường dây, đường cáp nổi hoặc giao trách nhiệm cho các chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật tổ chức cải tạo, nâng cấp tuyến công, bể ngầm hiện có bảo đảm khai thác tối đa năng lực sử dụng chung của các công trình hạ tầng kỹ thuật đó.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào các tuyến đường bộ được giao quản lý, chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ngành, các tổ chức cá nhân liên quan khảo sát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch hạ ngầm đường dây, đường cáp nổi, đề xuất cải tạo, di chuyển, sắp xếp vị trí, hướng tuyến các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Các tổ chức, cá nhân sở hữu, khai thác, sử dụng đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi trên địa bàn tỉnh căn cứ vào danh mục công bố các tuyến phố, các khu đô thị, khu dân cư phải ngầm hóa để xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo ngầm hóa các công trình, đồng thời có trách nhiệm phối hợp, tham gia và phải đóng góp kinh phí để thực hiện việc hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp đi nổi của mình quản lý theo kế hoạch chung của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm phối hợp cùng chủ sở hữu của hệ thống đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi tiến hành thu hồi các cột, đường dây, cáp đi nổi không sử dụng. Cơ quan quản lý về xây dựng tại địa phương có trách nhiệm kiểm tra việc thu hồi này.

Chương III

SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 18. Các quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Thực hiện đúng quy định về dấu hiệu nhận biết để nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng

chung theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và các quy định của Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Công Thương - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 19. Cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Dữ liệu về quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm các đồ án quy hoạch xây dựng hoặc các đồ án quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dữ liệu về hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm các loại bản vẽ hiện trạng và bản vẽ hoàn công xây dựng của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được lập cho một khu vực của đô thị hoặc toàn đô thị trong đó thể hiện loại công trình, quy mô, vị trí, kích thước và hệ thống đấu nối kỹ thuật của các công trình.

3. Các dữ liệu có liên quan về quản lý xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung:

a) Thông tin về cấp và loại công trình, quy mô và tính chất công trình, thời gian hoàn thành công trình và tình trạng sử dụng;

b) Thông tin về tên, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của chủ sở hữu công trình;

c) Thông tin về tên, địa chỉ và điện thoại liên hệ các đơn vị quản lý, vận hành và đơn vị sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

4. Dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do các tổ chức, cá nhân cung cấp cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu (Sở Xây dựng, Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế) là các bản vẽ, thuyết minh và dữ liệu đã được số hóa.

Điều 20. Trách nhiệm quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Trách nhiệm quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung của các sở, ngành cũng như tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng các công trình nói trên được áp dụng theo các quy định tại Điều 19, 20, 21, 24 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP; Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 21. Phương pháp xác định giá, cơ chế và nguyên tắc kiểm soát giá công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Việc thực hiện xác định giá, cơ chế và nguyên tắc kiểm soát giá thuê sử dụng chung, chi phí quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin truyền thông.

Điều 22. Hợp đồng sử dụng chung, hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Hợp đồng sử dụng chung, hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chương IV QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

b) Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định hiện hành của Chính phủ về cấp phép xây dựng;

c) Tổ chức lập quy hoạch chuyên ngành xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh;

d) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị; báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền các vi phạm về quản lý, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh;

e) Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn; các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định;

g) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh mục các tuyến đường trong các đô thị cần phải xây dựng sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

h) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất phương án xã hội hóa và việc dùng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành Bưu chính viễn thông của các đơn vị thi công, xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp... thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực và vận động các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

4. Sở Giao thông vận tải

Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định làm căn cứ cho việc cấp phép xây dựng và thỏa thuận tuyến các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc các tuyến đường này.

5. Sở Tài chính

Hướng dẫn cơ chế thu, chi tài chính và các điều khoản của hợp đồng giữa đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu dùng chung hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phân bổ vốn để xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; kinh phí cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

b) Đề xuất những ưu đãi đầu tư cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để cho thuê.

7. Công an tỉnh

Chỉ đạo các lực lượng công an huyện, thành phố, thị xã và các lực lượng trực thuộc phối hợp với Thanh tra các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã kiểm tra, xử lý kịp thời các vi phạm về quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế

Thực hiện thỏa thuận đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế do mình quản lý, với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung ngoài hàng rào theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát, quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn, cung cấp dữ liệu công

trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến hiện trạng, quy hoạch, lộ giới, hành lang an toàn công trình giao thông đường đô thị do đơn vị mình quản lý cho các tổ chức, cá nhân liên quan làm căn cứ cho việc lập, thỏa thuận và cấp phép xây dựng theo quy định.

3. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

4. Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc địa giới hành chính do mình quản lý theo quy định hiện hành của Chính phủ về cấp phép xây dựng.

5. Đề xuất và bố trí kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung và cải tạo, sắp xếp các đường dây đi nổi.

6. Xây dựng kế hoạch kiểm tra và phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

7. Thỏa thuận, cấp phép, gia hạn và thu hồi giấy phép xây dựng, giấy phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo phân cấp.

8. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị trực thuộc thực hiện quy định này theo chức năng nhiệm vụ được giao.

9. Phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ngành liên quan khảo sát và đề xuất danh mục các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi.

10. Tổ chức kiểm tra, tổng hợp, báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

Điều 25. Trách nhiệm của Cục quản lý đường bộ IV

Thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc các công trình giao thông trên các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể:

a) Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến hiện trạng, quy hoạch, lộ giới, hành lang an toàn công trình giao thông đường bộ do đơn vị mình quản lý cho các tổ chức, cá nhân liên quan làm căn cứ cho việc lập, thỏa thuận và cấp phép xây dựng theo quy định.

b) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông đường bộ thì phải thông báo cho các tổ chức, cá nhân có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc phạm vi công trình giao thông đường bộ biết để có kế hoạch, biện pháp di chuyển và đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

c) Xem xét thỏa thuận và cấp phép thi công trên các công trình giao thông đường bộ liên quan phục vụ cho hoạt động xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử

dụng chung nằm trong phạm vi dành cho công trình giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

Điều 26. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phải được cấp có thẩm quyền cấp phép và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo Luật Xây dựng.

2. Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh khi tổ chức lập quy hoạch, thiết kế và thi công xây dựng các công trình nêu trên thực hiện việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo Quy định này và các quy định liên quan khác; gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại, phát triển lâu dài và đảm bảo mỹ quan.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa vào khai thác sử dụng, phải thực hiện duy tu, bảo trì các công trình theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo Sở Xây dựng tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi